TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ THẮNG VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 969/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 886/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lê Như H, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: 54 Bàu C, Phường T, (Phường A, quận T cũ), Thành phố H.

Số căn cước công dân: 048xxxxxx538 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021.

2. Bà Trần Thị Bé H, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: 466/4 Hưng P, Phường C (Phường A, Quận A cũ), Thành phố H.

Số căn cước công dân: 083xxxxxx903 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/01/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 22 do Ủy ban nhân dân phường T (Phường A, Quận T cũ), Thành phố H cấp ngày 21/03/2022 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H là hợp pháp.

[2] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2025, ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H thống nhất thỏa thuận:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H thuận tình ly hôn.

[2.2] Về con chung: Ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H xác nhận không có,

không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự chung khác: Ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H cùng chịu.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[4] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự chung khác: Ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H cùng chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039284 ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Lê Như H và bà Trần Thị Bé H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 10 - Tp. Hồ Chí Minh ;
- UBND phường Tân Bình, Tp. HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự (15).

THẨM PHÁN

Vũ Thị Trang